

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2017
V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 182A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973. Có mặt.
Trú tại: Đội X, thôn A, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1973. Vắng mặt.
Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.
Tạm trú tại: Thôn A, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà sống chung với ông Nguyễn Việt H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 1997 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan

điểm sống, ông H thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con nhiều lần. Ông H là người chồng gia trưởng, áp đặt mọi vấn đề trong gia đình làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2013 bà Đ đã nộp đơn xin ly hôn ông H, tại Tòa án ông H cam đoan sửa sai, vì nghĩ cho tương lai các con nên bà đã rút đơn ly hôn. Tuy nhiên sau đó ông H vẫn chứng nào tật nấy, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Nay bà Đ cảm thấy không còn tình cảm với ông H nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 04 con chung là Nguyễn Minh N, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Thảo N2, sinh ngày 04/8/1999; Nguyễn Thị Thảo T, sinh ngày 02/10/2002; Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 26/9/2010.

Bà Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên là cháu N1 và cháu T.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017, bà Đ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với các cháu Nguyễn Minh N; Nguyễn Thị Thảo N2 đã thành niên và phát triển bình thường nên về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đ và ông H tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Bà Đ và ông H không vay nợ ai, cũng không ai vay nợ gì của ông, bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2017 và biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Việt H trình bày:*

Ông H sống chung với bà Nguyễn Thị Đ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, về kinh tế không có sự thống nhất, vợ chồng mỗi người một ý nên thường xuyên xảy ra cãi vã, trong lúc vợ chồng cãi vã ông H nóng giận có đánh bà Đ một vài lần. Năm 2013 bà Đ đã nộp đơn xin ly hôn với ông H nhưng ông muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nên đã làm đơn cam kết và bà Đ rút đơn ly hôn. Tuy nhiên đến đầu tháng 7/2017 vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã kéo dài và rất trầm trọng, không thể khắc phục được, ông bà đã sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Nay bà Đ nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà thì nguyện

vọng của ông H là đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà Đ.

Về con chung: Ông và bà Đ có 04 con chung là Nguyễn Minh N, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Thảo N2, sinh ngày 04/8/1999; Nguyễn Thị Thảo T, sinh ngày 02/10/2002; Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 26/9/2010.

Ông đồng ý với nguyện vọng của bà Đ, để bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Thảo T và Nguyễn Thị Thảo N1. Về cấp dưỡng nuôi con ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thảo N1 mức 1.600.000đ/ tháng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Đối với các cháu Nguyễn Minh N; Nguyễn Thị Thảo N2 đã thành niên và phát triển bình thường nên về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H và bà Đ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Ông H và bà Đ không vay nợ ai, cũng không ai vay nợ gì của ông, bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; 68; 70; 71; 72; 196; 203; 220; 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án không công nhận bà Đ và ông H là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Thảo T, sinh ngày 02/10/2002; Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 26/9/2010 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Việt H. Đây là quan hệ tranh chấp “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn ông Nguyễn Việt H hiện đang trú tại: Thôn A, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và tiến hành hòa giải. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Việt H. Tại phiên tòa ông H vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đ và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận; do đó bà Đ và ông H đề nghị Tòa án tuyên bố bà Đ và ông H không phải là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung*: Ông H và bà Đ có 04 con chung là Nguyễn Minh N, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Thảo N2, sinh ngày 04/8/1999; Nguyễn Thị Thảo T, sinh ngày 02/10/2002; Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 26/9/2010. Bà Đ và ông H đều có nguyện vọng giao các cháu Nguyễn Thị Thảo T, sinh ngày 02/10/2002; Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 26/9/2010 cho bà Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyện vọng của bà Đ và ông H phù hợp với ý kiến của các cháu T, N1 là xin được ở với mẹ, nên cần ghi nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 15; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017, bà Đ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn, nếu sau này bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với các cháu Nguyễn Minh N, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Thảo N2, sinh ngày 04/8/1999 đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự làm ăn nuôi sống được bản thân và đã lập gia đình ra ở riêng nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Đ và ông H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Bà Đ và ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Việt H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao các cháu Nguyễn Thị Thảo T, sinh ngày 02/10/2002; Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 26/9/2010 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Đ. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Việt H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với các cháu Nguyễn Minh N, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Thảo N2, sinh ngày 04/8/1999 đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự làm ăn nuôi sống được bản thân và đã lập gia đình ra ở riêng nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về công nợ chung*: Các đương sự xác định không có nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà Đ đã nộp tại biên lai số 0004101 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đại Minh